

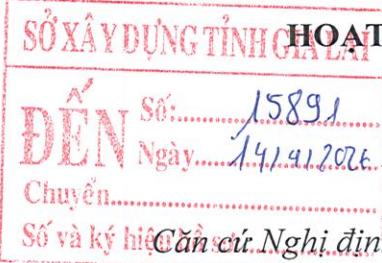


Số: 11.04/2026/QCTC-TB

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Gia Lai, ngày 11 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Thông báo số 2153/SXD-QLXD ngày 26/3/2026 của Sở Xây Dựng tỉnh Gia Lai V/v triển khai thực hiện việc công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4101402150 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 2 năm 2025, Nơi cấp: Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Bình Định.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 62 Chế Lan Viên, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai

Người đại diện: **Nguyễn Duy Phương** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0908 662 161 Email: Ctykiemdinhxaydungquinhon@gmail.com

Mã số thuế: 4101402150 Website: www.kiemdinhquynhon.com

Địa chỉ chi nhánh: Số 272 Trần Quý Cáp, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633 902 220

Mã số thuế: 4101402150-001

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Địa chỉ: Số 46 Võ Trọng Lo, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai

Trưởng phòng: **Nguyễn Văn Bẩy**

Điện thoại: 0905853951 Email: Ctykiemdinhxaydungquinhon@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng mã số LAS-XD 08.003 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Định cấp tại Giấy chứng nhận số 03/GCN-SXD ngày 28/12/2023 và LAS-XD 629 do Bộ Xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 888/GCN-BXD ngày 25/12/2018)

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: (Phụ lục kèm theo)

2. Thông tin về năng lực của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; EN 196; BS 1881; ASTM C188, C184, C188, C204, C115; AASHTO T128, T133, T153, T192	Sàng (kích thước mắt 0,09;0.08;0.045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả, ...
2	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011; TCVN 4032:85; AASHTO T106; JIS R5201; ASTM C109, C472; BS EN 196; ISO 679; GB/T 17671	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 4031:1985; AASHTO T129, T131; ASTM C187, C191, C472; BS EN 196; ISO 9597; JIS R5201; GB T750, 1346	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng luộc mẫu, khuôn Lơ Satolie.
4	Xác định Hàm lượng SO ₃	TCVN 141:2023	Ống đồng thủy tinh Cân kỹ thuật Đũa thủy tinh Que khuấy, pipet Hóa chất, Thuốc thử Hóa chất lỏng, thuốc thử Tủ sấy
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
5	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
6	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
7	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm, đồng hồ bấm giây
8	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143; BS EN 12350-	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại dài 80cm chính

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
		2:2019	xác tới 0,5cm.
9	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; AASHTO T121; ASTM C138; BS EN 12350-6:2019	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, - Tủ sấy 200 ⁰ C
10	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; AASHTO T158; ASTM C232; BS EN 12350-4; BS EN 480-4; JIS A1123	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900÷3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C, Khay sắt.
11	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; ASTM D2850-3a, D4767-3a; BS 1377; AASHTO T234	- Cân kỹ thuật 50kg, - Bộ sàng cát 5; 1,2mm; 0,15mm - Tủ sấy 200 ⁰ C - Khay sấy, bay, xẻng để xúc hỗn hợp bê tông
12	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C642, C127, C128, C642; BS 1881; BS EN 12390-7	Thiết bị thử nghiệm hàm lượng bọt khí, cân kỹ thuật, thanh đầm, ca xúc mẫu
13	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản, - Cân phân tích chính xác(0,01g), - Búa con, cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy 200 ⁰ C, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hoả, còn 90 ⁰ .
14	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585; BS 1881:08; BS 1881-122	- Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200 ⁰ C, - Khăn lau mẫu
15	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C418	Khuôn đúc mẫu, thiết bị gia công mẫu, máy mài mòn, cát mài, thước kẹp tiêu chuẩn
16	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642; AASHTO T121	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, tủ sấy 200 ⁰ C
17	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; BS EN 12390-8; ASTM C1585,	Máy xác định độ chống thấm, bộ áo mẫu, paraffin, bàn chải sắt, tủ sấy

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
		C403, T27, T37; DIN 1048	
18	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42; EN 12390-3; EN 12504-1; JIS A1107, A1108; AS 1012.9	- Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm ² -s), - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải
19	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; EN 12390-5; JIS A1114, A1106; AASHTO T97, T177	- Máy thử uốn 50 tấn (0,6±0,4 daN/cm ² -s), - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại
20	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-22	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), bộ giá ép chẻ
21	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; AASHTO T197; ASTM C403, C1117	Dụng cụ thử xuyên khuôn chứa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế, pipet
22	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469; JIS A1127, A1149	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), đế từ đỡ đồng hồ so, đồng hồ so 50mm, thước lá kim loại 500mm/1mm
THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
23	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật các loại, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...
24	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136-06, D346; AASHTO T27; T30; T37; EN 933-1:12; JIS 1102:06	- Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 μm; 315 μm; 630 μm và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C-110 °C.
25	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng (5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm), kính lúp, tủ sấy...
26	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006; EN 1097-6 ; EN 1097-7; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85; JIS A1109, A1110, A1111	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 0,5 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;
27	Xác định khối lượng riêng,	TCVN 7572-5:2006; EN	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%;

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
	khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	1097-6,7; ASTM C127; AASHTO T85	<ul style="list-style-type: none"> - Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %; và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C.
28	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; AASHTO T19; BS EN 1097-3,4; JIS A1104 ; BS EN 1097	<ul style="list-style-type: none"> - Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110⁰C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.
29	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C70, C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5; JIS A1125	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).
30	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T21, T71, T112; EN 933-1; JIS A1103, A1137	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.
31	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21; JIS A1105, A1142	<ul style="list-style-type: none"> - Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %; - Bếp cách thủy; - Sàng có kích thước lỗ 20 mm; - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; tananh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.
32	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C170, D2938; JIS M0302; ASTM D27012,	<ul style="list-style-type: none"> - máy nén thủy có lực nén đạt 500 kN; - xi lanh bằng thép, có đáy rời

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
		22TCN 57-84	- cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - bộ sàng tiêu chuẩn theo - tủ sấy tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C; - thùng ngâm mẫu.
33	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; BS 812: Part 110, Part 111	- Máy nén thủy lực; - Máy khoan và máy cưa đá; - Máy mài nước; - Thước kẹp; - Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.
34	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006; EN 1092-2; ASTM C131, C535; JIS A1121; AASHTO T98, T327	- Máy Los Angeles - Bi thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %; - Bộ sàng, 1,7 mm; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C
35	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; EN 933-3,4,5; ASTM D4791; AASHTO T335; BS812-Part1	- Cân kỹ thuật độ chính xác tới 1%; - Thước kẹp cài tiến; - Bộ sàng tiêu chuẩn theo - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C;
36	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006; ASTM C227, C289, C1260, C1293, C1105, AASHTO T303; JIS A1146	- Cân phân tích độ chính xác 0,0001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
37	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:2006; EN 1744-5	- Cân phân tích độ chính xác 0,0001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
38	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006; ASTM C114; BS 812	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
39	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112; JIS A1126	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572-2:2006 - Kim sắt, kim nhôm - Búa con
40	Xác định hàm lượng hạt bị đập	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật có độ chính xác d =

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
49	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; GOST-5184; AASHTO T89, T90; ASTM D4318-00 ; JIS A1205	<ul style="list-style-type: none"> - Các tấm kính nhám, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thủy tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰), - Bát sắt trắng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande
50	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, AASHTO T88-22	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm³, ϕ 60±2mm), - Nhiệt kế (0,5⁰C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm³ và 50cm³), - Thước thẳng 20cm.
51	Xác định sức chống cắt của đất trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23	<ul style="list-style-type: none"> - Máy cắt một phẳng ứng biến 4 tốc độ - Đồng hồ đo biến dạng, - Vòng đo lực ngang, - Quả cân (0,1.10⁵N/m²....1.10⁵ N/m²)
52	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; AASHTO-T216, T297; ASTM D2435 ; BS1377-Part5; BS1377-Part6	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), - Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, - Dao gạt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy (t⁰), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm. - Quả cân
53	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557, D698; AASHTO T180, T99 ; BS 1377-Part 4; JIS A1210	<ul style="list-style-type: none"> - Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi,

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
			<ul style="list-style-type: none"> - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gạt đất, - Vò đập đất, - Khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.
54	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937, D7263; AASHTO T204, T216, T205, T233; BS 1377-2	<ul style="list-style-type: none"> - Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t^0), - Bình hút ẩm
55	Xác định đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22; AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 3000C/1oC), hộp nhôm
56	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-22	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến, - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,
57	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO-T49, T215; BS 1377-5; JIS A1218; ASTM D2434-00 ; ASTM D4511	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thấm đất cột nước không đổi - Bộ thấm đất cột nước thay đổi - Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước
58	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012; ASTM D4647	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm độ tan rã - Dao vòng chứa mẫu thí nghiệm trương nở có dạng trụ tròn - Thiết bị, dụng cụ xác định độ ẩm của đất
59	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546, D4829; AASHTO T258; BS1377-Part5	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, - Dao vòng chứa mẫu thí nghiệm trương nở có dạng trụ tròn - Thiết bị, dụng cụ xác định độ ẩm của đất - Thiết bị, dụng cụ xác định khối lượng thể tích của đất - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
			0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao su; - Sàng có lỗ sàng 2 mm; - Bộ dụng cụ chế bị mẫu thí nghiệm từ mẫu đất không nguyên trạng - Nước cất hoặc nước sạch
60	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D955; ASTM D4943; ASTM D6289	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao su; - Sàng có lỗ sàng 2 mm; Thiết bị xác định co ngót của đất, đồng hồ so
61	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Bộ xác định góc nghi; Thùng chứa; Sàng lỗ 2mm, 5mm; Khay; Chày cối, ...
62	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; TCVN 4196:2012; ASTM D2974; AASHTO T194 AASHTO T267; BS1377-Part3	- Tủ sấy, có thể sấy tới 300oC - Bình hút ẩm có chất hút ẩm silicagel; - Các cân phân tích có độ chính xác 0,001 g hoặc 0,0001 g; - Cối và chày bằng sứ hoặc thủy tinh, đầu chày bọc cao su; - Các sàng thí nghiệm lỗ 2 mm; 0,25 mm; - Hộp chia mẫu nhiều rãnh hoặc dụng cụ chia mẫu thích hợp; - Các ống đong bằng thủy tinh, có dung tích chuẩn 10; 25 ; 50; 100; 250 ;500 và 1000 ml; - Ống hút (pipet) chia vạch chính xác đến 0,1 ml; - Ống chuẩn độ (buret) các loại dung tích 10; 25 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml. - Ống nhỏ giọt; - Bình tam giác các loại, có dung tích chuẩn 50; 100; 250; 500 và 1000 ml; - Giấy lọc định tính; Bếp đun; - Các dụng cụ thí nghiệm thường dùng khác.
63	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166/D2166M-24	Thiết bị đầm tạo mẫu Cân kỹ thuật Khay đựng mẫu Máy nén 1 trục có nở hông Đồng hồ so bách phân kế
64	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chế, modun đàn hồi, cường độ	TCVN 9403:2012; TCVN 8862:2011; ASTM D559, D560; D1633; D1634;	Thiết bị đầm tạo mẫu, chế bị mẫu 50x100mm; Tủ sấy; Máy cắt gia công mẫu

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
	kháng nén, kháng uốn	D1635	Thiết bị nén một trục không nở hông, đồng hồ đo lực Ca xúc mẫu, khay tông, máy trộn mẫu, xẻng, bay trộn
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, CÁP THÉP, BU LÔNG, VÍT, VÍT CÂY, ĐAI ỐC			
65	Thử kéo	TCVN 197-1:14; TCVN 314:08; ISO 6892-1:16, ISO 889-1:13, ISO 889-2:12; ASTM A370, B557; ASTM A36/ A240/ A572/ A588/ A709; AASHTO T68; JIS Z2241; EN 10002-1; GB/T 228; AS 1391; KS B0802	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.
66	Thử uốn	TCVN 198:08; TCVN 5891:08; ISO7438:16; ISO 5173:09; ISO 8491:04; ASTM A370; JIS Z2248; GB/T 232; AS 2505; KS B0804	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
67	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10; ISO 5173; ASME BPV code, Section IX; ASTM A184, 184M; ASTM AWS D1.1; EN 12814; JIS Z3122	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...
68	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10; ASTM AWS D1.1; EN 12814; JIS Z3122	Máy thử độ bền kéo nén: 1000kN/0.1kN, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép
69	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử va đập	TCVN 5402:10; ASTM E23; AASHTO T266; JIS Z2242	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.
70	Thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn: xác định độ bền kéo, uốn và uốn lại, độ mỏi và các kích thước hình học	TCVN 7937:13; TCVN 9391:2012; TCVN 6287:97; ISO 15630-1,2,3; ISO 10065; BS 4449; ASTM A1061; BS E1002	<ul style="list-style-type: none"> - Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại.
71	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 197:14; TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89; ISO 898-1,2; JIS B1186; ASTM A370	Máy thử độ bền kéo nén: 1000kN/0.1kN, bộ chuông kéo bu lông, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
72	Thử kéo thép cốt bê tông mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 13711-2:2023; TCVN 7937-1:2013, TCVN 197-1:2014;	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại. - Bộ gá thử kéo
73	Ống kim loại - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ISO 8492	Máy thử độ bền kéo nén: 1000kN/0.1kN, bộ chuông kéo bu lông, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm
BÊ TÔNG NHỰA			
74	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927-22; AASHTO T245-22;	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.
75	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T172, T164A; ASTM D2172; EN 12697-1, 13108	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C2HCl3, (NH4)2CO3 và các dụng cụ khác
76	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27-23; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 16; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng
77	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209; EN 12697-5	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ^o C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ
78	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166; T209	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1 ^o C.
79	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175 ^o C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.
80	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304; T326	Ống đong bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.
81	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Phương pháp tính toán
82	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Phương pháp tính toán
83	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Phương pháp tính toán
84	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán
85	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán
86	Phương pháp Marshall để lựa chọn tỷ lệ và thành phần vật	TCVN 8820:2011	Phương pháp tính toán

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
	liệu trong Bê tông nhựa - Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa		
BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
87	Xác định thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 AASHTO T37 – 07(2020)	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3; 0.15; 0.075mm), cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm
88	Xác định độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 3000c (± 1 oC), khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm
89	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande, tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy đến 3000c, dao để trộn
90	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012 AASHTO T100-22	Bình khối lượng riêng 100ml, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy đến 3000c (± 1 oC) , nhiệt kế điện tử 3000c, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lau, bếp cách cát.
91	Xác định hệ số thích nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy đến 3000c (± 1 oC), chén sứ, chày có bịt cao su, ống đo 50ml, que thủy tinh, nước cất, dầu hỏa.
NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT			
92	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140-2023	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, phễu, ...
93	Xác định độ kim lún ở 25°C, độ kim lún PI	TCVN 7495:2005; ASTM D5-13; ASHTO T49 ; EN 1426	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ 55, cao 35mm), - Bình chứa cốc mẫu ($\geq \Phi$ 90, cao ≥ 55 mm), - Chậu đựng nước (15l), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Thiết bị điều hòa nhiệt độ
94	Xác định modun đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T301	- Máy kéo dài (5cm \pm 0,5cm/ph), - Khuôn bằng đồng, - Nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu đựng nước (15l), - Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa - Dao cắt, gọt nhựa

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
95	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36-00; AASHTO T53	<ul style="list-style-type: none"> - Khuôn tròn có đk trong $\Phi 15.9 \pm 3\text{mm}$ cao $6.4 \pm 4\text{mm}$ để chứa nhựa đường, - Bi thép ($\Phi 9,5 \pm 0,03\text{mm}$), nặng $3,5 \pm 0,05\text{g}$, - Khuôn treo, - Vòng dẫn hướng của bi thép - Bình thủy tinh có dung tích 800ml, - Dao cắt, dùng cắt nhựa - Nhiệt kế (200°C, chia $0,5^{\circ}\text{C}$), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa $193^{\circ}\text{C} \div 204^{\circ}\text{C}$. + Vadolin (glixerin) để bôi trơn. + Nước đá.
96	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48; TCVN 8818-2:2011	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường , - Nhiệt kế (400°C, chia $0,5^{\circ}\text{C}$), - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt
97	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D1754, D6; AASHTO T47	<ul style="list-style-type: none"> - Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy 300°C, hộp nhôm, tủ sấy 300°C..
98	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D2042; AASHTO T44	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc phân tách
99	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228	<ul style="list-style-type: none"> - Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.
100	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN8818-5:2011; ASTM D2170; AASHTO T59	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớt kế, nhiệt kế, dụng cụ đo thời gian,
101	Xác định hàm lượng parafin	TCVN7503:2005	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ sấy, nhiệt kế, bình chung cất, ống nghiệm, cân
102	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	<ul style="list-style-type: none"> Cốc mở 1000ml, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá $20 \times 40\text{mm}$
103	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polime	TCVN 11193:2021; TCVN 11194:2017; ASTM D6084; AASHTO T301	Khuôn mẫu, Bể ổn định nhiệt, Máy kéo dài, kéo cắt, cốc chứa mẫu, ...
104	Độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	TCVN 11193:2021; TCVN 11194:2017; ASTM D4402	Khuôn mẫu, Bể ổn định nhiệt, Máy kéo dài, kéo cắt, cốc chứa mẫu, ...
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
105	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20; TCVN 8729:2012; TCVN 8728:2012; ASTM	<ul style="list-style-type: none"> - Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích $100\text{-}200\text{cm}^3$), - Cân đĩa 5kg độ nhạy ($1\text{-}2\text{g}$),

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
		D2937; AASHTO T204	- Cân đĩa 0,5kg độ nhạy(0,1g), - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn, - Chảo sậy hoặc cùn đốt 90 ^o trở lên, - Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm
106	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D2937-24; ASTM D1556; AASHTO T191	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị). - Cát chuẩn - Cân cân được 15kg chính xác 1,0g. - Cân cân chính xác 0,01g, Cồn - Bộ sàng lỗ sàng 2,36;1,18;0,6;0,3mm - Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông
107	Xác định môđun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải
108	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256	- Cân Benkenman - Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN.
109	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	- Cát chuẩn - Ống đong cát - Bàn xoa cát hình tròn - Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm - Thước dài khắc vạch 500mm - Cân có độ nhạy 0,1g - Tấm chắn gió
110	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950, E1082	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao
111	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.
112	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012	Thiết bị đo điện trở đất, cọc tiếp địa, dây nối
113	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143, D3689; GB5007-2011	Kích thủy lực 100 tấn, 200 tấn, 300 tấn, Bộ dầm chất tải, tải trọng, bộ gá đồng hồ so, gá từ, giàn thiên phân kế
114	Cọc khoan nhồi - xác định tính đồng nhất của bê tông - phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760 -16	Máy siêu âm cọc model: ALL - IN ONE - MCHA kit của hãng SolGeo (Italia)
115	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012; EN13791; BS 1881 part 202; BSEN 12504-2	Thiết bị súng bật nảy và thiết bị sử dụng xác định vận tốc siêu âm
116	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022	Máy siêu âm bê tông, dụng cụ đi kèm
117	Phương pháp không phá hoại	TCVN 9335:2012;	Thiết bị súng bật nảy và thiết bị sử

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
	sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	JIS A1155; ASTM C805; EN 12504-1	dụng xác định vận tốc siêu âm
118	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586; AASHTO T206; BS1377-Part9	Thiết bị thí nghiệm: Máy khoan tạo lỗ; ống mẫu tiêu chuẩn; búa đóng 63,5kg; cần trượt định hướng; đế nện; ...
119	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573; 22TCN 355:2006	Thiết bị cắt cánh FVT Cần cắt tiêu chuẩn, cánh cắt các loại Thiết bị đọc lực Đồng hồ đo Giá chữ A
120	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM-D4429-92	Bộ gia tải CBR quay tay, piston xuyên, cần nối dài, Tải trọng xe, giàn thiên phân kế, thiên phân kế
121	Công hộp và công tròn: Ngoại quan, khuyết tật, kích thước và đo sai lệch kích thước; Khả năng chịu tải của đốt công; Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012	-Thuốc thép, Thuốc kẹp, độ chính xác đến 0,1 mm, Kính lúp có độ phóng đại từ 5 lần đến 10 lần, Bộ thước căn lá để kiểm tra vết nứt, độ dày của các lá căn (0,05 , 1,00) mm -Máy ép thủy lực hoặc máy ép cơ học dùng hệ thống kích thủy lực. - Đồng hồ đo thời gian.
THÍ NGHIỆM BENTONITE			
122	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:17; ASTM D4972, D4380, D4381, D5891; API 13A & 13B; API-RP-13P	Cân tỷ trọng (Hộp cân, quả cân, thang đo, bầu chứa bentonite, nắp đáy) Phễu côn 1500ml, đồng hồ bấm giờ, ca chia vạch 100ml, giá đỡ kim loại Phễu côn, lưới rây, Bình đo bằng thủy tinh, bình chứa nước sạch Thang màu chuẩn, Giấy quỳ
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
123	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03; EN 1015-1; ASTM C144; AASHTO M45, T1105	- Bộ sàng tiêu chuẩn có kích thước lỗ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm (TCVN 342 : 1986) và sàng có kích thước lỗ 0,08mm; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 105 ⁰ C + 5 ⁰ C và 60 ⁰ C .
124	Xác định lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03; EN 1015-3,4; ASTM C1437	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - bàn dẫn vữa, thước kẹp
125	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03; EN 445, EN 1015-6;	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam.

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
		AASHTO T160	Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.
126	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03; ASTM C1437-07; ASTM C939; EN1015-3,4:99	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít - Phễu có đường kính trong 154 mm – 156 mm, chiều cao 20mm. - Đồng hồ bấm giây. - Giấy lọc loại chảy trung bình, 20 g/m ² , có đường kính bằng đường kính trong của phễu. - Thiết bị thử độ lưu động theo TCVN 3121-3: 2003.
127	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03; ASTM C807, C953; EN 445; EN 1015-9:99	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Đồng hồ bấm giây, thước kẹp
128	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03; ASTM 3121-10:03; EN 1015-10	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; - Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; - Cân thủy tĩnh.
129	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03; TCVN 11971:18; ASTM C579, C942; EN 445-07; EN 1015-11; AASHTO T106	- Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu - Mảnh vải cotton, - Tấm kính - Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN - Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;
130	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn với nền	TCVN 3121-12:03; ASTM C1583; EN 1015-12	Thiết bị bám dính vữa Keo dán, giấy nhám
131	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:03; ASTM C1218; EN 1015-17	- Cân kỹ thuật (1g), - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200 ⁰ C, - Khăn lau mẫu - Thước lá
132	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03; ASTM C1403; EN 1015-18,19	
133	Vữa xi măng trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước, độ chảy	TCVN 9204:2012; EN 445:07; ASTM C940, C939	

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử	Thiết bị máy móc chính
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY DỰNG			
134	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09; ASTM C67; AASHTO T32	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.
135	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; ASTM C67; AASHTO T32	Máy nén thủy lực có bảng lực từ 30 đến 60 tấn sai số của máy không lớn hơn $\pm 2\%$, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng.
136	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; ASTM C67; AASHTO T32	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo
137	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; ASTM C67; AASHTO T32	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu
138	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính các 0.01g, 500ml dầu hỏa.
139	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ chính xác tới 1mm,
140	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính các 0.01g, 500ml dầu hỏa.
141	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:2011	- Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu. - Bay chảo để hồ trộn xi măng. - Máy nén có thang lực thích hợp - Bộ má ép bằng thép Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, Thùng để ngâm mẫu Thước cặp thép có độ chính xác 0.01ml, cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1g, tủ sấy, cát, máy mài gạch,
142	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ rỗng; độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16; ASTM C140, C426	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc. - Thước lá chia vạch 1mm, - Các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu, bay, chảo trộn mẫu - máy nén có thang lực thích hợp để khi nén, tải trọng phá hủy nằm

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử	Thiết bị máy móc chính
			<p>trong khoảng từ 20% đến 80% tải trọng lớn nhất của thang lực nén đã chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật chính xác đến 1g, - Cát khô - các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày 15mm <p>Thiết bị thử được chế tạo bằng tôn tráng kẽm hoặc bằng đồng, các mối hàn và bu lông phải chắc chắn để nước không rò ra ngoài ống đo nước có đường kính 35-40mm và có vạch chia tới 2ml</p>
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG			
143	Xác định hàm lượng cặn không tan, muối hòa tan	TCVN 4506:2012; AASHTO T26; BS EN1008	<p>Phễu và giấy lọc băng xanh ; Bình trụ dung tích 1000 ml; Tủ sấy .300°C Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Cốc thủy tinh</p>
144	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:96; ISO 8467:93	<p>Bát sứ dung tích 500 ml Bếp điện ; Tủ sấy .300°C Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g; Đũa thủy tinh Pi pet, nước cất ; Dung dịch natri cacbonat 1%</p>
145	Độ pH	22 TCN 61-84; TCVN 6492:2011	<p>Giấy quỳ đo độ PH vạn năng (pp thông thường) Cốc thủy tinh</p>
146	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88	<p>Bình định mức có dung tích 1 lít; Bình hình nón có dung tích 250 ml; Hoá chất bạc nitrat dung tích 0.05N Kali cromat dung tích 5 %</p>
147	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96	<p>Ống hút 50 ml Ống đo màu sắc Ống chuẩn độ vi lượng . HCl nồng độ 5% Mê tin da cam 0.1% BaCl 10% H₂SO₄ 0.1N</p>
148	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:96	<p>Ống hút 50 ml Ống đo màu sắc Ống chuẩn độ vi lượng . HCl nồng độ 5% Cân kỹ thuật chính xác tới 0,001g Đũa thủy tinh, Pi pet Nước cất</p>

2.2. Danh mục máy móc và thiết bị :

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	Ghi chú
1	Máy thử kéo, nén, uốn WE-1000B; Lực kéo lớn nhất 1000kN; Dải đo: 200KN/0.5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN	1 cái	
2	Máy thử nén, uốn 2000 kN, TYA-2000; bộ gá uốn	2 cái	
3	Máy thử nén, uốn 300 kN; bộ gá uốn	1 cái	
4	Máy mài mòn	2 cái	
5	Mày dò cốt thép bê tông ZBL	1 cái	
6	Máy thử thấm bê tông	1 cái	
7	Bàn rung mẫu bê tông 600 x 900 - T.TECH	1 bộ	
8	Côn thử độ sụt bê tông - T.TECH	1 bộ	
9	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ C100 - T.TECH	1 bộ	
10	Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén C130 - T.TECH	1 bộ	
11	Bộ tâm ép mẫu gạch tự chèn - T.TECH	1 bộ	
12	Máy nén, uốn xi măng E155 - T.TECH; gá uốn, nén	1 bộ	
13	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn ZS-15 - TQ	1 cái	
14	Dụng cụ Vica E055 - T.TECH	1 bộ	
15	Thùng hấp mẫu xi măng E136 - T.TECH	1 cái	
16	Khuôn xi măng Le Chaterlier E066 - T.TECH	1 bộ	
17	Bình tỷ trọng xi măng E014 - TQ	2 cái	
18	Sàng độ mịn xi măng 0.09mm - TQ	2 cái	
19	Phiếu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa - T.TECH	2 cái	
20	Máy trộn vữa	1 cái	
21	Máy siêu âm bê tông - MATEST (Ý)	2 cái	
22	Máy khoan bê tông, nhựa đường	2 cái	
23	Mũi khoan kim cương D50, D75, D80, D101	10 cái	
24	Máy phát điện 220v, 4.5Kw	2 cái	
25	Protor đầm nén cải tiến: cối S186 + chày S188	2 bộ	
26	Protor đầm nén tiêu chuẩn: cối S185 + chày S187	2 bộ	
27	Máy nén CBR/MARSHALL 50KN, Model: S213 Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/50Hz, theo tiêu chuẩn ASTM, ASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn VN, tốc độ gia tải CBR là 1.27mm/phút mà Marshall là 50.8 mm/phút, kèm theo piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so, bộ gá ép mẫu marshall 2 nửa.	1 bộ	
28	Cung lực 50KN, Model: S370-10, đồng hồ chỉ thị 10x0.01mm	1 cái	
29	Khuôn CBR, Model: S200 bao gồm: thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải, giá đỡ đồng hồ so và đồng hồ so, dải đo 10x0.01mm.	3 bộ	
30	Đĩa phân cách, Model: S200-03	3 cái	
31	Giấy thấm D150 (100 tờ/hộp)	2 hộp	

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	Ghi chú
32	Sàng tiêu chuẩn và sàn đất, bao gồm: 10; 5; 2.5; 2; 1.25; 1; 0.63; 0.5; 0.315; 0.25; 0.14; 0.1 mm đáy và nắp.	03 bộ	
33	Bộ sàng đá và cấp phối, BTN đk 300 bao gồm: 75; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 19; 16; 15; 12.5; 10; 9.5; 5; 4.75; 3; 2.36; 2; 1.18; 0.6; 0.45; 0.3; 0.15; 0.075; đáy và nắp.	03 bộ	
34	Tỷ trọng kế, Model: S172	1 cái	
35	Máy lắc sàng – TQ Model: 8411	1 cái	
36	Máy khuấy chạy điện siêu tốc 10 000v/ph	1 cái	
37	Bộ chia mẫu 1" Model A065 - T.TECH	2 bộ	
38	Bộ chia mẫu 2" Model A066 - T.TECH	2 bộ	
39	Thiết bị chảy casagrande; Model: S170, bao gồm dụng cụ khóa 21inh, dao trộn, bát trộn.	1 bộ	
40	Bộ thí nghiệm Vaxilieps	1 bộ	
41	Máy thử độ mài mòn Los Angeles, Model: A075: Với bộ đệm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử. Tốc độ quay:30 -33vòng/phút. Kèm 12 viên bi thép chuẩn, A076-01 và 1 khay hứng mẫu, A076-02.	1 bộ	
42	Bộ xi lanh nén đập đá D75, Model: A082	1 bộ	
43	Bộ xi lanh nén đập đá D150, Model: A083	1 bộ	
44	Thiết bị xác định hàm lượng bụi, bùn, sét của đá	1 bộ	
45	Bộ xác định đương lượng cát + Máy lắc S160 - T.TECH	1 bộ	
46	Bình tỷ trọng đất 100cc, Model: V108-02	10 cái	
47	Phễu rót cát; Bản thép cố định lỗ hố đào, 4 đinh gim – T.TECH Model: S234	3 bộ	
48	Bộ dao vòng lấy mẫu đất, Model: S084 kèm 3 lưỡi dao	9 bộ	
49	Dao vòng 100cm ³ ; 200cm ³ ; 800cm ³ và 1000cm ³	27	
50	Bộ hộc đong 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít và 20 lít - T.TECH	2 bộ	
51	Bộ đo E bằng tám ép, Model: S225: bao gồm: tám ép đk 76cm, 61cm, 46cm và 33cm, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ đỡ đồng hồ, 02 đồng hồ so.	2 bộ	
52	Bộ thí nghiệm độ ẩm nhanh hiện trường : cân chuẩn, bi sắt, thuốc thử, ...	1 bộ	
53	Bộ thí nghiệm độ ẩm đốt còn + dao đai Còn C2H5OH, ống đốt, cân	3 bộ	
54	Bộ cần Benkenmam, Model: B102:	2 bộ	
55	Thước 3m đo độ bằng phẳng	2 cái	
56	Máy đo điện trở Kyoritsu KEW4105A	1 cái	
57	Bộ thí nghiệm rắc cát, xác định độ nhám mặt đường – Việt Nam	2 bộ	
58	Máy chiết nhựa	2 cái	
59	Bộ thiết bị giãn dài nhựa B054 - T.TECH	1 bộ	
60	Bộ đàm Marshall	2 bộ	

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	Ghi chú
61	Máy nén Marshall	2 cái	
62	Máy đo độ kim lún	1 cái	
63	Máy TN điểm hóa mềm B072 - T.TECH	1 cái	
64	Lò nung 1000°C - TQ	1 cái	
65	Bể ổn định nhiệt	2 cái	
66	Bộ thí nghiệm độ dính bám	1 bộ	
67	Bộ thiết bị TN bốc cháy nhựa B086 - T.TECH	1 bộ	
68	Nhiệt kế thủy tinh 0-100C, Model: V164-01	3 cái	
69	Ống đong 1000ml, Model: V101-05	10 cái	
70	Bình tam giác 500ml, Model: V106-03	5 cái	
71	Khay trộn mẫu 550x550x50, Model: V182	2 cái	
72	Bình hút ẩm – TQ Model: A036	2 cái	
73	Thước kẹp tiêu chuẩn – TQ Model: V175	3 cái	
74	Hộp ẩm bằng nhôm – TQ Model: V122-01	50 cái	
75	Ca xúc mẫu- TQ Model: V185	3 cái	
76	Bếp cách cát 1000W/220V – TQ	2 cái	
77	Phễu nhựa – T.TECH; Model: V135	3 cái	
78	Bàn cân thủy tinh chuẩn V0085 - T.TECH	1 cái	
79	Bộ rọ cân trong nước	5 cái	
80	Máy đo PH cầm tay - G7	2 cái	
81	Kích đùn mẫu vụn nặng 4" và 6" - T.TECH Model: S114 - Kích của TQ16 tấn	1 bộ	
82	Cân điện tử 2000gx0.0001g	1 cái	
83	Cân điện tử 2000gx0.01g	1 cái	
84	Cân điện tử 8kgx0.5g	2 cái	
85	Cân điện tử 6kgx0.1g	1 cái	
86	Cân cơ kỹ thuật 25kg+1g	2 cái	
87	Khuôn lập phương 150 x 150x 150	60 cái	

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	Ghi chú
88	Khuôn lập phương 200 x 200 TQ/VN	10 cái	
89	Tủ sấy 300C, Model: 101-1, dung tích 70 lít, có thể đặt nhiệt độ tùy ý – TQ	2 cái	
90	Bộ thử nhỏ thép khoan cấy: bộ kích, ngàm kéo ...	1 bộ	
91	Súng bắn bê tông - Matest-ITALY	1 cái	
92	Thước kẹp cải tiến, xác định hạt thoi dẹt	1 cái	
93	Máy toàn đạc điện tử CX105 Sokkia	1 cái	
94	Máy thủy chuẩn AP-8 (Nikon)	1 cái	
95	Máy thủy bình điện tử Trimble	1 cái	
96	Mia Invar mã vạch chuyên dụng	1 cái	
97	Máy khoan địa chất 5 số (XY-1A)	2 cái	
98	Máy nén đất tam liên WG, kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thấm, dao cắt ... TQ	6 bộ	
99	Máy cắt đất 2 tốc độ EDJ-1 (ZJ), kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ - TQ	2 cái	
100	Dao cắt đất 30cm ² - T.TECH	30 cái	
101	Dao cắt đất 50cm ² - T.TECH	30 cái	
102	Hộp thấm đất nam kinh S252 - TQ	2 cái	
103	Bộ thấm đất cột nước không đổi - TQ	2 bộ	
104	Bộ thí nghiệm trương nở đất - TQ	2 bộ	

2.3. Danh sách nhân sự thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức Vụ	Bằng cấp
1	Nguyễn Văn Bảy	18/09/1973	Trưởng phòng thí nghiệm	Kỹ sư xây dựng cầu đường Số: 026454 (số vào sổ: 02212/11/28X3BD

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức Vụ	Bằng cấp
				<p>Do trường đại học Bách khoa Đà Nẵng cấp</p> <p>Chứng nhận: Quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017 (số: 008-2022/QT ngày 31/5/2024)</p> <p>Chứng nhận: Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. (số: QĐ01-11/2010/BDNV)</p> <p>Chứng nhận: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ thí nghiệm vật liệu và kiểm tra công trình giao thông do Bộ giao thông cấp ngày 03/5/1999.</p> <p>Chứng nhận: phương pháp thử xác định tính chất cơ- lý vật liệu Kim loại và liên kết hàn. Số: 03/2018/TNVL</p>
2	Nguyễn Nhon Phúc	09/10/1986	Thí nghiệm viên	<p>Kỹ sư xây dựng DD & CN</p> <p>Số hiệu 035715, số vào sổ: 0806/12/29X1BD</p> <p>Do trường đại học Bách khoa Đà Nẵng cấp</p> <p>Chứng nhận: phương pháp thử xác định tính chất cơ- lý của Bê tông nhựa và vật liệu xây dựng Số: 06/2018/TNVL</p> <p>Chứng nhận: phương pháp thử xác định tính chất cơ- lý đất trong phòng và hiện trường dựng Số: 8954-A9113B/VND-TNV</p> <p>Chứng nhận: TNV hiện trường, kiểm tra hệ thống chống sét Số: 8619-A8778B/VND-TNV</p>

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức Vụ	Bằng cấp
3	Nguyễn Duy Phương	12/12/1980	Thí nghiệm viên	<p>Cử Nhân địa chất</p> <p>Do trường đại học Khoa học Tự Nhiên Tp HCM cấp</p> <p>Chứng nhận: Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. (số: QĐ02-19/2010/BDNV)</p> <p>Đã hoàn thành Chương trình đào tạo thí nghiệm đất xây dựng</p> <p>Số: 11/TNXD-STIC/2011</p> <p>Đã hoàn thành Chương trình đào tạo thí nghiệm cơ lý Gạch xây và ngói lợp.</p> <p>Số: 29.159.23/VKH-CN-TNV</p>
4	Nguyễn Giang Thọ	05/08/1981	Thí nghiệm viên	<p>Cử Nhân địa chất</p> <p>Do trường đại học Khoa học Tự Nhiên Tp HCM cấp</p> <p>Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về Vật liệu công trình giao thông. Số: 2023-/GT-140/VKH-CN.</p> <p>Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra chứng nhận đảm bảo an toàn chịu lực và sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. số: 22-006/ATCL-HD.</p> <p>Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng. số: 02-004/KĐCL-HD.</p>

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức Vụ	Bằng cấp
5	Phạm Mạnh Cường	4/10/1986	Thí nghiệm viên	<p>Cử Nhân địa chất</p> <p>Do trường đại học Khoa học Tự Nhiên Tp HCM cấp</p> <p>Chứng nhận: Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo TCVN ISO/IEC 17025-2017. (số: 2023/QL1-007/VKHCN)</p> <p>Chứng nhận: Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (số:68-120.20/VKHCN-QLPTN</p> <p>Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về Vật liệu công trình giao thông. Số: 2023-/GT1-016/VKHCN.</p> <p>Chứng nhận: phương pháp xác định các tính chất cơ- lý đất . Số: 13890-A13892B/VNĐ-TNV.</p> <p>Chứng nhận: phương pháp thử xác định tính chất cơ- lý của Bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Số: 17955-A17957B/VNĐ-TNV</p> <p>Chứng nhận: thí nghiệm bê tông bằng PP không phá hủy Số: 2023/BT1-004/VKHCN</p> <p>Chứng nhận: phương pháp thử xác định tính chất cơ- lý của thép xây dựng. Số: 0724-13/2018/TNVL</p> <p>Chứng nhận: phương pháp thử xác định tính chất cơ- lý của bê tông và VLXD trong phòng TN và hiện trường. Số: 0724-13/2018/TNVL</p>

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức Vụ	Bằng cấp
6	Lương Ngọc Duy	01/02/1986	Thí nghiệm viên	<p>Ngành địa chất công trình</p> <p>Do trường Cao đẳng công nghiệp Tuy Hòa cấp.</p> <p>Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu bê tông trong phòng và hiện trường</p> <p>Số: 16831-A16833B/VND-TNV</p>
7	Trần Ngọc Huy	25/01/1990	Thí nghiệm viên	<p>Cao đẳng Xây dựng Cầu đường bộ Do trường Cao đẳng nghề Xây dựng Nguyễn Văn Trỗi cấp</p> <p>Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về phương pháp xác định các tính chất cơ lý của gạch và vật liệu xây dựng</p> <p>Số: 02/2018/TNVL</p>
8	Phan Thị Trúc Ly	25/01/1988	Thí nghiệm viên	<p>Công nghệ chế biến Do trường Cao đẳng công nghệ thực phẩm TP HCM cấp, số: A0086313</p> <p>Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về các Chỉ tiêu Hóa cốt liệu và nước xây dựng Số: 3719/ĐT195.10</p>
9	Phan Duy Khánh	01/5/1990	Thí nghiệm viên	<p>KS Cấp thoát nước & môi trường nước Do trường ĐH Tôn Đức Thắng TP HCM cấp, số: 1503900003.</p>

Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG QUI NHƠN**

Nguyễn Duy Phương

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CÁC TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG TRỰC THUỘC CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG QUI NHƠN

(Kèm theo Thông báo số 11.04 /2026/QCTC-TB, ngày 11 / 04 /2026 của Công ty TNHH Tư
vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn)

STT	Dự án	Quyết định thành lập	Địa chỉ	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Phòng thí nghiệm hiện trường tại Lâm Đồng (ủy quyền cho giám đốc chi nhánh tại Lâm Đồng tổ chức điều hành)	Số: 01-2024/QĐ-PTNHT ngày 02/01/2024	Số 20 Bùi Thị Xuân, Phường 2, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)	Quyết định đính kèm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG QUI NHƠN



Nguyễn Duy Phương

QUYẾT ĐỊNH
V/v Thành lập phòng thí nghiệm hiện trường
của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định xây dựng Qui Nhơn

GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Bản điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn.
- Căn cứ giấy phép ĐKKD của Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 03/GCN-SXD ngày 28/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định Về việc công nhận khả năng thực hiện các phép thử của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 08.003 trực thuộc Công ty TNHH Tư Vấn Kiểm Định Xây Dựng Qui Nhơn
- Căn cứ nhu cầu phát triển và hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I. Nay thành lập Phòng Thí nghiệm hiện trường thuộc Công ty TNHH Tư vấn Kiểm định Xây dựng Qui Nhơn để phục vụ các dự án với các nội dung sau:

- Tên phòng Thí nghiệm: **PHÒNG THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG LAS-XD 08.003**
- Địa điểm đặt tại: Số 20, Bùi Thị Xuân, phường 2, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điều II. Ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh tại Lâm Đồng:

- Tổ chức điều hành hoạt động của Phòng thí nghiệm hiện trường theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty, Giám đốc Công ty và theo pháp luật hiện hành.
- Được quyền ký kết các quyết định bổ nhiệm nhân sự, các kết quả thí nghiệm.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty, theo quyết định của Hội đồng Thành viên và theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng Thành viên, Giám đốc Công ty về mọi hoạt động của Phòng thí nghiệm hiện trường

Điều III. Ông Trưởng Phòng Thí nghiệm căn cứ chức năng nhiệm vụ, các quy định của nhà nước về thành lập phòng Thí nghiệm hiện trường chuyên ngành xây dựng, tiến hành tổ chức, kiểm tra máy móc, trang thiết bị hiện có, xây dựng bộ máy kỹ thuật viên đưa phòng Thí nghiệm hiện trường vào hoạt động.

Điều IV. Các ông Trưởng phòng Thí nghiệm, Thí nghiệm viên có tên trong danh sách kèm theo của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Nơi nhận :

- Như điều IV "Để thực hiện"
- Lưu VP Cty



NGUYỄN DUY PHƯƠNG